

Số: 108/QĐ-ĐHXDMT

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp trình độ đại học lớp **D21XDK, D21XCK1, D21CDK1, D21CNK1, D21KNT1** và sinh viên đại học các khóa trước, hệ chính quy

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐT ngày 03/6/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Nghị quyết số 114/NQ-HĐT ngày 09/6/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-ĐHXDMT ngày 14/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-ĐHXDMT ngày 07/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy định Tổ chức và quản lý công tác tốt nghiệp trình độ đại học tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-ĐHXDMT ngày 13/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc thành lập Hội đồng tốt nghiệp năm học 2025 - 2026;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 27/01/2026 của Hội đồng tốt nghiệp;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Điều 1.**

1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Kỹ sư cho **63** sinh viên đại học lớp D21XDK, D21XCK1, D21CDK1, D21CNK1 và sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

*(Có tên trong danh sách kèm theo)*

2. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân cho **12** sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

*(Có tên trong danh sách kèm theo)*

3. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Kiến trúc sư cho **09** sinh viên đại học lớp D21KNT1 và sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

*(Có tên trong danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Lưu: VT, QLĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Lê Đức Thường**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ**

(Kèm theo Quyết định số: 108/QĐ-DHXDMT, ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Số TCTL	TBCTL	Xếp loại tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Ngày nhập học	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bảng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
<b>A. Ngành Kỹ thuật xây dựng</b>																					
1	1	21DQ5802011221	Tô Đình Sy	D21XDK1	Nam	09/02/2003	Phú Yên	150,0	3,27	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
2	2	21DQ5802011214	Phạm Phúc Hưng	D21XDK1	Nam	01/08/2003	Phú Yên	150,0	3,14	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
3	3	21DQ5802011218	Lê Quốc Đạt	D21XDK1	Nam	13/09/2003	Phú Yên	150,0	2,99	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
4	4	21DQ5802011194	Hồ Lê Lai	D21XDK1	Nam	17/08/2003	Phú Yên	150,0	2,94	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
5	5	21DQ5802011239	Nguyễn Phi Quỳnh	D21XDK1	Nam	26/05/2003	Phú Yên	150,0	2,86	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
6	6	21DQ5802011219	Nguyễn Thái Nguyên	D21XDK1	Nam	12/06/2003	Phú Yên	150,0	2,84	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
7	7	21DQ5802011222	Phạm Hoàng Phúc	D21XDK1	Nam	29/12/2003	Bình Định	150,0	2,82	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
8	8	21DQ5802011225	Bùi Vương Trọng Hiếu	D21XDK1	Nam	02/11/2003	Phú Yên	150,0	2,76	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
9	9	21DQ5802011231	Phạm Đức Hiền	D21XDK1	Nam	19/10/2003	Khánh Hòa	150,0	2,71	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
10	10	21DQ5802011228	Nguyễn Văn Việt	D21XDK1	Nam	15/12/2003	Quảng Nam	150,0	2,65	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
11	11	21DQ5802011212	La Văn Yên	D21XDK1	Nam	25/08/2003	Bình Định	150,0	2,63	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
12	12	21DQ5802011211	Nguyễn Huỳnh Minh Duy	D21XDK1	Nam	21/01/2003	Khánh Hòa	150,0	2,52	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
13	13	21DQ5802011238	Nguyễn Quốc Cường	D21XDK1	Nam	19/02/2003	Phú Yên	150,0	2,45	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
14	14	21DQ5802011244	Trần Quốc Vũ	D21XDK1	Nam	11/11/2003	Bình Định	150,0	2,39	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
15	15	21DQ5802011116	Ngô Võ Quang Trường	D21XDK2	Nam	13/05/2003	Phú Yên	150,0	3,49	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
16	16	21DQ5802011192	Võ Thị Diệu Quỳnh	D21XDK2	Nữ	06/09/2003	Phú Yên	150,0	3,47	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
17	17	21DQ5802011012	Đinh Tiểu Bảo	D21XDK2	Nam	04/02/2003	Phú Yên	150,0	3,31	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
18	18	21DQ5802011048	Nguyễn Thanh Trịnh	D21XDK2	Nam	01/02/2003	Phú Yên	150,0	3,16	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
19	19	21DQ5802011076	Nguyễn Phúc Sang	D21XDK2	Nam	09/08/2002	Phú Yên	150,0	2,96	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
20	20	21DQ5802011047	Đinh Hữu Long	D21XDK2	Nam	04/05/2003	Phú Yên	150,0	2,95	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
21	21	21DQ5802011085	Lê Nguyễn Hoàng Diệp	D21XDK2	Nam	23/09/2002	Khánh Hòa	150,0	2,72	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
22	22	21DQ5802011020	Phạm Văn Nhân	D21XDK2	Nam	13/12/2003	Phú Yên	150,0	2,71	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
23	23	21DQ5802011049	Nguyễn Văn Ý	D21XDK2	Nam	10/04/2003	Phú Yên	150,0	2,70	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
24	24	21DQ5802011122	Châu Thái Quốc Cường	D21XDK2	Nam	13/07/2003	Phú Yên	150,0	2,68	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
25	25	21DQ5802011044	Dương Thái Tâm	D21XDK2	Nam	02/07/2003	Phú Yên	150,0	2,60	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
26	26	21DQ5802011075	Nguyễn Thành Luân	D21XDK2	Nam	07/03/2003	Phú Yên	150,0	2,36	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
27	27	21DQ5802011098	Nguyễn Đán Quốc Cường	D21XDK2	Nam	26/06/2003	Đắk Lắk	150,0	2,23	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
28	28	21DQ5802011009	Nguyễn Minh Tâm	D21XDK3	Nam	03/10/2003	Phú Yên	150,0	3,75	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
29	29	21DQ5802011156	Tổng Huỳnh Minh Quân	D21XDK3	Nam	11/09/2003	Phú Yên	150,0	3,58	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
30	30	21DQ5802011005	Trần Quốc Ngãi	D21XDK3	Nam	29/11/2003	Bình Định	150,0	3,51	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
31	31	21DQ5802011146	Trần Anh Thiện	D21XDK3	Nam	24/08/2002	Bình Định	150,0	3,49	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
32	32	21DQ5802011074	Hồ Nhật Quang	D21XDK3	Nam	29/06/2003	Phú Yên	150,0	3,47	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
33	33	21DQ5802011143	Huỳnh Đức Trọng	D21XDK3	Nam	05/01/2003	Bình Định	150,0	3,35	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
34	34	21DQ5802011062	Hoàng Minh Tuấn	D21XDK3	Nam	03/07/2001	Phú Yên	150,0	3,27	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
35	35	21DQ5802011003	Đoàn Minh Hoàng	D21XDK3	Nam	04/07/2003	Phú Yên	150,0	3,12	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
36	36	21DQ5802011081	Phạm Chí Thành	D21XDK3	Nam	24/12/2003	Phú Yên	150,0	2,77	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
37	37	21DQ5802011053	Đỗ Kim Trọng	D21XDK3	Nam	26/12/2003	Phú Yên	150,0	2,71	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
38	38	21DQ5802011051	Nguyễn Anh Việt	D21XDK3	Nam	19/01/2003	Phú Yên	150,0	2,63	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
39	39	21DQ5802011111	Huỳnh Văn Lân	D21XDK3	Nam	26/02/2003	Khánh Hòa	150,0	2,35	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
40	40	21DQ5802011017	Võ Tấn Tài	D21XDK3	Nam	14/06/2003	Phú Yên	150,0	2,33	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
41	41	21DQ5802011188	Lê Trung Đan	D21XDK4	Nam	17/04/2003	Phú Yên	150,0	3,71	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
42	42	21DQ5802011171	Huỳnh Văn Lộc	D21XDK4	Nam	27/02/2003	Phú Yên	150,0	3,47	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
43	43	21DQ5802011165	Trương Phi Hùng	D21XDK4	Nam	12/02/2003	Phú Yên	150,0	2,59	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
44	44	21DQ5802011173	Đoàn Đức Nghĩa	D21XDK4	Nam	14/01/2003	Khánh Hòa	150,0	2,51	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
45	45	18DQ5802010022	Ngô Tam Nhật	D18X1	Nam	13/11/2000	Phú Yên	143,0	2,29	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2023	Tiếng Việt	Kỹ sư	16/08/2018	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
46	46	18DQ5802010102	Lê Trọng Huy	D18X3	Nam	27/12/2000	Phú Yên	143,0	2,64	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2023	Tiếng Việt	Kỹ sư	16/08/2018	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
47	47	19DQ5802011021	Phạm Thành Lực	D19X1	Nam	21/08/2001	Phú Yên	150,0	2,25	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	19/08/2019	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
48	48	20DQ5802011015	Đặng Ngọc Quý	D20XDK1	Nam	25/06/2002	Phú Yên	150,0	2,61	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	22/12/2020	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
49	49	20DQ5802011162	Nguyễn Đức Duy	D20XDK3	Nam	19/10/2002	Phú Yên	150,0	2,29	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư				

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Số TCTL	TBCTL	Xếp loại tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Ngày nhập học	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
<b>B. Ngành Kỹ thuật xây dựng</b>																					
51	1	21DQ5802015019	Đình Phú	Thọ	D21XCK1	Nam	02/11/2003	Phú Yên	158.0	3.77	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
52	2	21DQ5802015022	Nguyễn Nhật Anh	Minh	D21XCK1	Nam	10/04/2003	Khánh Hòa	158.0	2.84	Khá	Kỹ thuật xây dựng	Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
53	3	20DQ5802015001	Lương Thành	Duy	D20XCK1	Nam	17/01/2002	Phú Yên	158.0	2.76	Khá	Kỹ thuật xây dựng	Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	22/12/2020	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
54	4	20DQ5802015007	Lê Thế	Sinh	D20XCK1	Nam	25/05/2002	Phú Yên	158.0	2.66	Khá	Kỹ thuật xây dựng	Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	22/12/2020	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
<b>C. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</b>																					
55	1	21DQ5802051001	Nguyễn Đắc	Thắng	D21CDK1	Nam	08/06/2003	Phú Yên	150.0	3.55	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
56	2	21DQ5802051012	Nguyễn Lê Đình	Huy	D21CDK1	Nam	07/12/2003	Phú Yên	150.0	3.35	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
57	3	21DQ5802051019	Vũ Hoài	Nam	D21CDK1	Nam	15/11/2003	Thanh Hóa	150.0	2.79	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
58	4	21DQ5802051003	Nguyễn Quốc	Huy	D21CDK1	Nam	23/07/2003	Khánh Hòa	150.0	2.58	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
59	5	21DQ5802051902	Lê Trọng	Huy	D21CDK1	Nam	28/02/1998	Phú Yên	150.0	2.43	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
60	6	21DQ5802051008	Trần Ngọc Hà	Nam	D21CDK1	Nam	09/09/2003	Phú Yên	150.0	2.34	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
<b>D. Kỹ thuật cấp thoát nước</b>																					
61	1	21DQ5802131002	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	D21CNK1	Nữ	26/02/2003	Khánh Hòa	150.0	3.69	Xuất sắc	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kỹ sư	10/12/2021	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026
62	2	20DQ5802131007	Đoàn Quang	Trung	D20CNK1	Nam	12/06/2002	Khánh Hòa	150.0	2.33	Trung bình	Kỹ thuật cấp thoát nước	Cấp thoát nước	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	22/12/2020	108/QĐ-ĐHXDMT	04/02/2026

Tổng số:

62

sinh viên

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ**

(Kèm theo Quyết định số: 108/QĐ-DHXDMT, ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Số TCTL	TBCTL	Xếp loại tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Ngày nhập học	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
E. Ngành Kỹ thuật xây dựng																					
1	1	19DL5802011277	Huỳnh Lê Anh Vũ	D19X6.	Nam	15/07/1998	Phú Yên	58.0	2.51	Khá	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp.	Đại học	Chính quy liên thông	2019 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	19/08/2019	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	

Tổng số: 1 sinh viên

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 108/QĐ-DHXDMT, ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Số TCTL	TBCTL	Xếp loại tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Ngày nhập học	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(21)	(22)	
<b>F. Ngành Kinh tế xây dựng</b>																					
1	1	20DQ5803011031	Phạm Kim Dương	D20KXC1	Nam	26/04/2002	Phú Yên	129.0	2.97	Khá	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	22/12/2020	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
2	2	20DQ5803011011	Đình Văn Minh	D20KXC1	Nam	18/01/2000	Phú Yên	129.0	2.40	Trung bình	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	22/12/2020	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
3	3	21DQ5803011002	Nguyễn Bạch Nhật Trường	D21KXC1	Nam	11/09/2003	Phú Yên	129.0	2.78	Khá	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2021 - 2025	Tiếng Việt	Cử nhân	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
4	4	21DQ5803011011	Trần Kim Chi	D21KXC1	Nữ	04/04/2003	Phú Yên	129.0	2.76	Khá	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2021 - 2025	Tiếng Việt	Cử nhân	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
5	5	21DQ5803011035	Phan Văn Phúc	D21KXC1	Nam	28/10/2003	Phú Yên	129.0	2.62	Khá	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2021 - 2025	Tiếng Việt	Cử nhân	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
6	6	21DQ5803011046	Đàm Thiên Nhân	D21KXC1	Nam	05/02/2003	Phú Yên	129.0	2.53	Khá	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2021 - 2025	Tiếng Việt	Cử nhân	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
7	7	21DQ5803011033	Lê Trọng Viên	D21KXC1	Nam	26/07/2003	Phú Yên	129.0	2.53	Khá	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2021 - 2025	Tiếng Việt	Cử nhân	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
8	8	21DQ5803011010	Thái Hà Nam	D21KXC1	Nam	26/04/2003	Phú Yên	129.0	2.46	Trung bình	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2021 - 2025	Tiếng Việt	Cử nhân	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	
9	9	21DQ5803011009	Nguyễn Thị Ngân	D21KXC1	Nữ	13/02/2003	Phú Yên	129.0	2.28	Trung bình	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2021 - 2025	Tiếng Việt	Cử nhân	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026	

**Tổng số:**

9

sinh viên

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KIẾN TRÚC SƯ**

(Kèm theo Quyết định số: 108/QĐ-DHXDMT, ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Số TCTL	TBCTL	Xếp loại tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Ngày nhập học	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
<b>G. Ngành Kiến trúc nội thất</b>																					
1	1	21DQ5801031014	Lê Đoàn Bích	Ngân	D21KNT1	Nữ	15/09/2003	Khánh Hòa	159.0	3.80	Xuất sắc	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
2	2	21DQ5801031002	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Tâm	D21KNT1	Nam	07/05/2003	Phú Yên	159.0	3.66	Xuất sắc	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
3	3	21DQ5801031009	Đặng Thị Thanh	Hà	D21KNT1	Nữ	12/12/2003	Thừa Thiên Huế	159.0	3.50	Giỏi	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
4	4	21DQ5801031007	Trần Tấn	Tài	D21KNT1	Nam	22/01/2003	Phú Yên	159.0	3.42	Giỏi	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
5	5	21DQ5801031004	Phạm Đức	Nhân	D21KNT1	Nam	25/05/2003	Phú Yên	159.0	3.37	Giỏi	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
6	6	21DQ5801031003	Nguyễn Thành	Quang	D21KNT1	Nam	23/02/2003	Phú Yên	159.0	3.36	Giỏi	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
7	7	21DQ5801031902	Võ Trần	Sang	D21KNT1	Nam	28/02/2000	Phú Yên	159.0	3.10	Khá	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
8	8	21DQ5801031017	Đào Duy	Linh	D21KNT1	Nam	30/11/2003	Phú Yên	159.0	2.97	Khá	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
9	9	21DQ5801031001	Trần Khánh	Huyền	D21KNT1	Nữ	07/06/2003	Phú Yên	159.0	2.97	Khá	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
10	10	21DQ5801031020	Trần Ngọc	Lợi	D21KNT1	Nam	13/04/2003	Phú Yên	159.0	2.81	Khá	Kiến trúc nội thất	Kiến trúc nội thất	Đại học	Chính quy	2021 - 2026	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	10/12/2021	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
<b>H. Ngành Kiến trúc</b>																					
11	1	20DQ5801011030	Phạm Quốc	Hung	D20KTR1	Nam	31/03/2002	Khánh Hòa	159.0	3.29	Giỏi	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	22/12/2020	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026
12	2	20DQ5801011017	Trần Văn	Quốc	D20KTR1	Nam	20/01/2002	Bình Định	159.0	3.13	Khá	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	22/12/2020	108/QĐ-DHXDMT	04/02/2026

Tổng số:

12

sinh viên